

Bản án số: **498/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/8/2022.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 242/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2022, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2022, , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H.M.T, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: 549B/2 H.G, Phường A, Quận Y, TP.HCM. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh L.T.P, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: 695/6 H.G, Phường A, Quận Y, Tp.HCM.

Cư ngụ: 695/10A H.G, Phường A, Quận Y, Tp.HCM. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị H.M.T trình bày:

Năm 2020 tôi và Anh L.T.P, sinh năm 1998 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 102 ngày 24/9/2020. Sau khi kết hôn, Vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa chỉ 695/10A H.G, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến tháng 12/2020, vợ chồng chúng tôi phát sinh mâu thuẫn do tính tình

không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống. Anh L.T.P có tính gia trưởng, thường xuyên ghen tuông vô cớ, hay nghe lời mẹ ruột xúi giục đánh đập, chửi mắng tôi. Do không chịu nổi sự hành hạ của anh Phúc nên tôi đã bỏ về cha mẹ ruột tại địa chỉ số 549B/2 H.G, Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh sống đến nay.

Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai, chúng tôi đã nhiều lần gặp gỡ hòa giải nhưng anh Phúc không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc tôi muốn làm gì thì làm. Tôi và Anh L.T.P đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, không liên lạc qua lại.

Tôi nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm tôi dành cho Anh L.T.P không còn nữa nên đề nghị Tòa án công nhận những yêu cầu sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với Anh L.T.P.
- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh L.T.P vắng mặt không lý do, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tòa để làm Bản tự khai, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Anh L.T.P đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn Anh L.T.P vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cũng như trình tự thủ tục tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Bà H.M.T và ông L.T.P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận Y vào ngày 24/9/2020 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 03 tháng thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cách sống. Nguyên nhân do ông P có tính gia trưởng, thường xuyên ghen tuông vô cớ, hay nghe lời mẹ ruột đánh đập, mắng chửi bà T. Do không chịu đựng nổi nên ngày 16/01/2021, bà T chuyển về nhà mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ 549B/2 H.G, Phường A, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông P.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...” Bà T và ông P đã không còn cùng chung sống; việc quan tâm, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình không tồn tại trong hôn nhân.

Nhận thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không đề nghị giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H.M.T được ly hôn với ông L.T.P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có;

Án phí do nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận Y nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân Quận Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Anh L.T.P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề ngày 21/7/2022 xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H.M.T và Anh L.T.P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, của Ủy Ban Nhân Dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2020 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

- Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn: Sau khi kết hôn, anh L.T.P bắt đầu có tính gia trưởng, thường xuyên ghen tuông vô cớ, cũng như không chăm sóc gia đình. Ngoài ra Anh L.T.P còn hay nghe lời mẹ ruột xúi giục đánh đập, chửi mắng, đánh đập Chị H.M.T.

Chị H.M.T và Anh L.T.P đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, không liên lạc qua lại.

Chị H.M.T xác định hiện nay không còn tình cảm với Anh L.T.P, nên Chị H.M.T yêu cầu được ly hôn với Anh L.T.P.

Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Đối với quan hệ vợ chồng giữa chị và anh thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 01/2021 cho đến nay, vì vậy yêu cầu được ly hôn của Chị H.M.T có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H.M.T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Chị H.M.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị H.M.T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H.M.T được ly hôn với Anh L.T.P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H.M.T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 102, của Ủy Ban Nhân Dân Phường A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2020 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật .

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H.M.T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0012089 ngày 28/4/2022 của Chi Cục Thi hành án Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị H.M.T đã đóng đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Y;
- Chi cục Thi hành án Quận Y;
- UBND P.11, Q.6;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Sang

